TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:16/2019/DS-ST
Ngày: 27–3–2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Sol
Ông Nguyễn Quốc Trung
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc San là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2018/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2018 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1968 (Có mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp ST, xã TP, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.
Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1969 (Có mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp ST, xã TP, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Mai Văn B, sinh năm 1956 (Vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp ST, xã TP, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị P trình bày: Vào ngày 20/10/2007 bà có cho bà Trần Thị N vay số tiền 18.100.000 đồng, sau đó bà N bỏ địa phương đi làm ăn nơi khác, khi bà tìm được thì bà N trả cho bà 5 lần với số tiền 1.100.000 đồng. Bà N còn thiếu lại bà số tiền 17.000.000 đồng, bà N có viết giấy và cam kết trả hàng tháng nhưng không thực hiện. Bà làm đơn yêu cầu và được Ban hòa giải ấp ST, xã TP hòa giải vào ngày 17/8/2016, tại buổi hòa giải bà N xác nhận còn thiếu bà số tiền 17.000.000 đồng và cam kết trả cho bà số tiền 500.000 đồng/ tháng, sau đó thì bà N có trả cho bà được 7.500.000 đồng thì không trả nữa. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho bà số tiền 9.500.000 đồng.

Bà Trần Thị N trình bày: Bà thừa nhận có vay của bà P số tiền 17.000.000 đồng. Nhưng vào năm 2013 bà có trả cho bà P số tiền 3.000.000 đồng và sau đó có trả thêm 1.100.000 đồng. Sau khi hòa giải tại ấp thì bà có trả cho bà P số tiền 7.500.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bà đã trả cho bà P là 11.600.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà P số tiền còn thiếu là 5.400.000 đồng.

Đối với bị đơn là ông Mai Văn B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Mai Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án, nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn là Nguyễn Thị P với bị đơn Trần Thị N là quan hệ pháp luật về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp ST, xã TP, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn trình bày thống nhất với nhau về số tiền vay ban đầu là 17.000.000 đồng, nhưng trình bày không thống nhất với nhau về số tiền bà N đã trả cho bà P. Cụ thể là, theo bà P trình bày thì bà N đã trả cho bà được số tiền 7.500.000 đồng nhưng bà N trình bày đã trả được 11.600.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, bà N trình bày vào năm 2013 bà có trả cho bà P số tiền 3.000.000 đồng và trước khi hòa giải tại ấp ST, xã TP bà có trả thêm số tiền 1.100.000 đồng, bà yêu cầu đối trừ số tiền này vào số tiền còn thiếu bà P, nhưng tại biên bản hòa giải của ấp ST vào ngày 17/8/2016 thì bà đã thừa nhận còn thiếu bà P số tiền 17.000.000 đồng và sau đó bà có trả cho bà P số tiền 7.500.000 đồng, do đó yêu cầu của bà N là đối trừ số tiền 4.100.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà P, buộc bà N trả cho bà số tiền 9.500.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P, buộc bà Trần Thị N trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 9.500.000 đồng.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*: bà Trần Thị N phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với bà Trần Thị N.

Buộc bà Trần Thị N trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Đối với số tiền trên, kể từ ngày bà Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu thi hành án thì bà Trần Thị N phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: bà Trần Thị N phải chịu 475.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí, bà P có dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số 0004646 ngày 31/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Nguyễn Thị P và bà Trần Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Mai Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện Cái Nước;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Nước;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Kỳ